

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH ĐÀO TẠO:	QUẢN LÝ KINH TẾ
MÃ NGÀNH:	8310110
TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO:	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO:	THẠC SĨ

ĐỒNG NAI, NĂM – 2021

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 159/QĐ-ĐHCNĐN ngày 20 tháng 7 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai)*

Tên chương trình : Quản lý kinh tế

Trình độ đào tạo : Thạc sĩ

Ngành đào tạo : Quản lý kinh tế; **Mã số :** 8310110

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO (Program objectives)

1.1 Mục tiêu chung (Program general objectives)

Đào tạo Thạc sĩ Quản lý kinh tế theo định hướng ứng dụng nhằm giúp cho người học nâng cao kiến thức về khoa học quản lý và kinh tế, kiến thức chuyên sâu về quản lý kinh tế; có tư duy công nghệ số; đồng thời phát huy và sử dụng hiệu quả các kiến thức chuyên ngành vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp và thích ứng với sự thay đổi của đời sống kinh tế - xã hội.

1.2 Mục tiêu cụ thể (Program specific objectives)

PO 1. Vận dụng được kiến thức ngành và chuyên ngành nhằm thích ứng tốt với những công việc khác nhau trong lĩnh vực quản lý kinh tế.

PO 2. Làm chủ các kỹ năng nghề nghiệp và có những phẩm chất cá nhân cần thiết để thành công trong nghề nghiệp.

PO 3. Làm chủ các kỹ năng xã hội, công nghệ số cần thiết để có khả năng làm việc trong tập thể đa ngành, đáp ứng đòi hỏi của các đề án phát triển kinh tế liên quan tới nhiều ngành khác nhau.

PO 4. Vận dụng được các kiến thức để độc lập, tự chủ trong tổ chức thực hiện và giải quyết các vấn đề đa ngành, đa lĩnh vực, có năng lực khám phá và đề xuất các giải pháp quản lý các hoạt động kinh tế.

2. CHUẨN ĐẦU RA (Program learning outcomes)

2.1. Yêu cầu về kiến thức

PLO 1. Xây dựng được thế giới quan và nhân sinh quan khoa học, nắm vững những chủ trương đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là các chủ trương, đường lối về phát triển kinh tế.

PLO 2. Vận dụng các kiến thức về quản lý kinh tế và kiến thức liên ngành có liên quan vào việc phân tích, đánh giá chính sách kinh tế - xã hội;

PLO 3. Tổng hợp các kiến thức chuyên sâu để giải quyết các vấn đề quản lý trong lĩnh vực kinh tế.

2.2. Yêu cầu về kỹ năng

**Kỹ năng và phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp*

PLO 4. Hoàn thành công việc phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo;

PLO 5. Lập luận, tư duy theo cách tiếp cận hệ thống, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực quản lý kinh tế;

PLO 6. Ứng dụng những vấn đề lý thuyết và bài học kinh nghiệm vào thực tiễn xây dựng và quản lý thực thi chiến lược, chính sách quản lý kinh tế ở tầm vi và vĩ mô;

**Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và ứng dụng công nghệ số*

PLO 7. Lãnh đạo và quản lý hoạt động của nhóm làm việc.

PLO 8. Truyền đạt vấn đề và giải pháp; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp tới các thành viên trong nhóm;

PLO 9. Giao tiếp hiệu quả qua hình thức thuyết trình và văn bản bằng hình thức trực tiếp và trực tuyến hoặc kết hợp.

PLO 10. Giao tiếp thành thạo bằng tiếng Anh để phục vụ công việc và cuộc sống (tối thiểu bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam).

PLO 11. Ứng dụng thành thạo các ứng dụng công nghệ số để nâng cao năng suất công việc cá nhân và hiệu quả quản lý.

2.3. Năng lực thực hành nghề nghiệp

PLO 12. Nghiên cứu độc lập để giải quyết trực tiếp hoặc đề xuất các giải pháp có tính sáng tạo cho những vấn đề thuộc chuyên ngành quản lý kinh tế trên cơ sở khoa học và phù hợp với nguồn lực và bối cảnh thực tiễn.

PLO 13. Tự định hướng và thích nghi với môi trường làm việc đa ngành, đáp ứng đòi hỏi của các dự án phát triển kinh tế liên quan tới nhiều ngành khác nhau.

PLO 14. Trình bày được quan điểm cá nhân về các vấn đề quản lý kinh tế dưới góc độ chuyên môn, có tính khoa học.

PLO 15. Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động trong lĩnh vực quản lý kinh tế và thực tiễn nghề nghiệp.

2.4. Trình độ ngoại ngữ và tin học

- + Đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam;
- + Đạt trình độ tin học đáp ứng Quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin tại Thông tư số 03/2014/TT- BTTTT.

2.5. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, Thạc sĩ Quản lý kinh tế có thể đảm nhận tốt các vị trí công việc sau:

Nhóm 1: Cán bộ lãnh đạo, quản lý kinh tế tại các cơ quan quản lý nhà nước các cấp, bộ, ngành và địa phương: có năng lực hoạch định, triển khai các chính sách kinh tế ở cả cấp độ vĩ mô và vi mô vào thực tế trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế.

Nhóm 2: Nhà quản lý kinh tế tại các tổ chức, doanh nghiệp: Có kỹ năng triển khai các công cụ quản lý kinh tế vào thực tiễn, trên cơ sở thực thi quản lý, có thể đánh giá và phản biện các chính sách kinh tế của nhà nước, các chương trình, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế của các tổ chức kinh tế công và tư, góp phần giúp các cơ quan nhà nước thực thi quản lý kinh tế ngày càng hiệu quả hơn;

Nhóm 3: Các chuyên gia tư vấn thực thi chính sách cho các doanh nghiệp, cơ quan quản lý: Có kỹ năng phân tích chính sách, trên cơ sở đó tư vấn giúp các doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước thực hiện đúng các chủ trương, chính sách kinh tế của nhà nước.

2.6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sau khi tốt nghiệp, Thạc sĩ Quản lý kinh tế có khả năng tự học, tự nghiên cứu nâng cao trình độ trong quá trình công tác và tiếp tục theo học các chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ Quản lý kinh tế sau khi học bổ sung một số kiến thức cơ sở ngành và phương pháp nghiên cứu theo yêu cầu của chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ.

3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO VÀ KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHOÁ

3.1. Thời gian đào tạo

Toàn bộ khối lượng chương trình đào tạo sẽ được tổ chức thực hiện trong 1,5 năm (phân bổ trong 04 học kỳ).

3.2. Khối lượng kiến thức toàn khoá

Bảng 1: Kết cấu chương trình đào tạo theo khối kiến thức

KHỐI KIẾN THỨC	Kiến thức bắt buộc	Kiến thức tự chọn	Tổng
1. Kiến thức chung	5	0	5
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	32	16	48
- Kiến thức ngành	14	6	20
- Kiến thức chuyên ngành	18	10	34
3. Thực tập	6	0	6
4. Đề án tốt nghiệp	6	0	6
TỔNG KHỐI LƯỢNG	49	16	65

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai, người dự tuyển sinh đào tạo Thạc sĩ Quản lý kinh tế phải có các điều kiện sau đây:

4.1. Về văn bằng

- Nhóm 1 (Ngành đúng): Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Kinh tế có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Quản lý kinh tế;

- Nhóm 2 (Ngành gần): gồm các ngành theo bảng dưới đây.

Bảng 2: Danh mục ngành gần của ngành Quản lý kinh tế

STT	Mã ngành	Tên ngành	Ghi chú
1	7310101	Kinh tế học	
2	7310102	Kinh tế chính trị	
3	7310104	Kinh tế đầu tư	
4	7310105	Kinh tế phát triển	
5	7310106	Kinh tế quốc tế	
6	7310107	Thống kê kinh tế	
7	7310108	Toán kinh tế	
8	7340101	Quản trị kinh doanh	
9	7340121	Kinh doanh thương mại	
10	7340201	Tài chính - Ngân hàng	
11	7340204	Bảo hiểm	
12	7340301	Kế toán	
13	7340402	Chính sách công	
14	7340403	Quản lý công	
15	7340404	Quản trị nhân lực	
16	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	
17	7340412	Quản lý khoa học và công nghệ	

Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần chuyên ngành Quản lý kinh tế trước khi dự tuyển phải học bổ sung kiến thức 06 học phần, tương đương 12 tín chỉ. Cụ thể như sau:

Bảng 3: Danh mục học phần học bổ sung cho đối tượng thuộc ngành gần

TT	Tên học phần	Thời lượng (Tín chỉ)	Ghi chú
1	Kinh tế vi mô	2	
2	Kinh tế vĩ mô	2	
3	Kinh tế phát triển	2	
4	Thống kê kinh tế	2	
5	Quản trị học	2	
6	Kinh tế lượng	2	
Tổng cộng		12	

- Nhóm 3 (Ngành khác): Đối tượng dự tuyển có bằng tốt nghiệp đại học thuộc các ngành khác phải học bổ sung kiến thức 08 học phần, tương đương 16 tín chỉ. Cụ thể như sau:

Bảng 4: Danh mục học phần học bổ sung cho đối tượng thuộc ngành khác

TT	Tên học phần	Thời lượng (Tín chỉ)	Ghi chú
1	Kinh tế vi mô	2	
2	Kinh tế vĩ mô	2	
3	Kinh tế phát triển	2	
4	Thống kê kinh tế	2	
5	Quản trị học	2	

6	Kinh tế lượng	2	
7	Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ	2	
8	Quản trị doanh nghiệp	2	
Tổng cộng		16	

Hội đồng tuyển sinh sẽ căn cứ vào các học phần trong bảng điểm của người có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp để quyết định các học phần học bổ sung trước khi dự tuyển đầu vào.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Quy trình đào tạo: Đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai.

6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ, THANG ĐIỂM

Thực hiện Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai.

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Bảng 5: Chương trình đào tạo phân bổ theo khối kiến thức

Mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (Lý thuyết/ Thực hành/Tự học)	Ghi chú
1. Kiến thức chung			5	
<i>Học phần bắt buộc</i>			5	
0180055	Triết học	Chương trình môn Triết học có 8 chương, trong đó gồm: chương mở đầu (chương 1: Khái luận về triết học) nhằm giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học; 3 chương bao quát các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn (chương 2: Bản thể luận, chương 3: Phép biện chứng, chương 4: Nhận thức luận); 4 chương bao quát các nội dung lý luận triết học về xã hội và con người (chương 5: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, chương 6: Triết học chính trị, chương 7: Ý thức xã hội, chương 8: Triết học về con người).	4(4,0,8)	
0180054	Phương pháp học tập bậc cao học	Học phần Chuyên đề 1 nhằm cung cấp cho học viên cao học các thông tin về mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, trang bị các phương pháp học tập và nghiên cứu ở bậc cao học. Ngoài ra, học viên còn được định hướng phát triển nghề nghiệp liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực quản lý kinh tế.	1(1,0,2)	
2. Kiến thức giáo dục cơ sở ngành và chuyên ngành				
2.1. Kiến thức cơ sở ngành			20	
<i>Học phần bắt buộc</i>			14	
0180045	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế	Cung cấp cho học viên kiến thức và kỹ năng cơ bản về phương pháp nghiên cứu trong kinh tế, cụ thể: Có cái nhìn tổng quát và toàn diện về một nghiên cứu khoa học, Phân tích và ra quyết định, Hình thành được đề cương nghiên cứu, Thực hiện đề án tốt nghiệp	2(2,0,4)	

Mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (Lý thuyết/ Thực hành/Tự học)	Ghi chú
0180027	Kinh tế vi mô nâng cao	Nội dung trọng tâm của môn Kinh tế vi mô nâng cao là phân tích tác động của các chính sách của chính phủ đến phúc lợi của các thành phần có liên quan và tổng thể xã hội. Tiếp tục nghiên cứu hành vi của người tiêu dùng và doanh nghiệp cạnh tranh không hoàn hảo ở mức cao hơn so với học phần Kinh tế vi mô bậc đại học. Tiếp theo là nghiên cứu thị trường yếu tố sản xuất, nghiên cứu cân bằng tổng thể và điều kiện hiệu quả trong các thị trường cạnh tranh. Cuối cùng là phân tích những nhược điểm của kinh tế thị trường và vai trò của chính phủ.	2(2,0,4)	
0180028	Kinh tế vĩ mô nâng cao	Phần 1: Kinh tế học vĩ mô nâng cao xem xét lại các nghiên cứu về đặc điểm, cấu trúc và hành vi của cả một nền kinh tế nói chung bao gồm Nhà sản xuất, Người tiêu dùng, Chính phủ. Tổng quát hóa lại các quy luật của nền kinh tế, chỉ tiêu đo lường căn bản như GDP, lãi suất, tỉ lệ thất nghiệp, và các chỉ số khác để hiểu cách hoạt động của cả nền kinh tế. Phần 2: Kiến thức kinh tế học vĩ mô nâng cao dành cho học viên cao học ngành QLKT tập trung vào một số vấn đề chính yếu và các kỹ năng, công cụ cần thiết cho việc nghiên cứu kinh tế độc lập. Các bài báo khoa học và mô hình mới trong nghiên cứu kinh tế.	2(2,0,4)	
0180004	Kinh tế công nghiệp	Kinh tế công nghiệp là một chuyên ngành kinh tế học, thuộc lĩnh vực kinh tế học ứng dụng, nghiên cứu tổ chức ngành, cơ cấu ngành, năng lực cạnh tranh của các ngành và tổ chức công nghiệp, doanh nghiệp, các hành vi kinh tế. Môn học nghiên cứu các quyết định của các cá nhân và doanh nghiệp và các tương tác giữa các quyết định này trên thị trường, giải quyết các đơn vị cụ thể của nền kinh tế và xem xét một cách chi tiết cách thức vận hành của các đơn vị kinh tế hay các phân đoạn của nền kinh tế.	2(2,0,4)	
0180033	Khoa học quản lý	Học phần trang bị cho người học các kiến thức về quá trình bố trí nhân lực thông qua việc điều hành, sắp xếp, phối hợp thực hiện những nhiệm vụ đã giao trước đó. Là hoạt động một cách tối ưu nhất nguồn lực con người và ngân sách trong tổ chức nhằm đạt được hiệu quả cao trong công việc.	2(2,0,4)	

Mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (Lý thuyết/ Thực hành/Tự học)	Ghi chú
0180032	Phân tích định lượng trong kinh tế	Học phần Phân tích lượng cung cấp những phương pháp và kỹ thuật phân tích định lượng căn bản và chủ yếu được sử dụng để phân tích những vấn đề trong lĩnh vực quản lý kinh tế. Học phần được tiếp cận theo hướng ứng dụng nhằm giúp người học nắm bắt được dễ dàng cách thức sử dụng các loại dữ liệu thường gặp và các phương pháp mô hình kinh tế.	2(2,0,4)	
0180039	Kinh tế phát triển	Giới thiệu với người học những vấn đề cơ bản của Kinh tế học phát triển. Những nội dung lý thuyết giúp người học hiểu được những vấn đề mang tính lý thuyết nền tảng như khái niệm, cơ sở lý thuyết, cách đo lường, cách đánh giá, phương pháp phân tích những vấn đề liên quan đến phát triển.	2(2,0,4)	
Học phần tự chọn (chọn 6/10 tín chỉ)			6	
0180030	Kinh tế thương mại	Nội dung học phần nghiên cứu các quan hệ kinh tế diễn ra trong nền kinh tế quốc dân và giữa các doanh nghiệp, những biểu hiện đặc thù của những quy luật kinh tế trong lĩnh vực trao đổi hàng hóa và cung ứng các dịch vụ.	2(2,0,4)	
0180011	Kinh tế Quốc tế	Nội dung học phần nghiên cứu quá trình hình thành, phát triển và những đặc điểm mới của nền kinh tế thế giới, nội dung và tính chất của các quan hệ kinh tế quốc tế. Tiếp đến, nó nghiên cứu dòng vận động của các luồng hàng hóa, dịch vụ, tài chính tiền tệ và thanh toán giữa một quốc gia với các quốc gia và vùng lãnh thổ khác trong nền kinh tế thế giới, những chính sách nhằm điều tiết các dòng vận động này và tác động của các chính sách đó đến phúc lợi quốc gia. Nghiên cứu tính kinh tế quốc tế và vấn đề hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.	2(2,0,4)	
0180008	Kinh tế nguồn nhân lực	Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản của Kinh tế nguồn nhân lực. Từ những cơ sở về nguồn nhân lực xã hội, đề cập đến các nhân tố ảnh hưởng đến việc sử dụng nguồn nhân lực xã hội một cách có hiệu quả về mặt kinh tế. Một số vấn đề xã hội cơ bản là mảng không thể thiếu khi khai thác về Kinh tế Nguồn nhân lực cũng được đề cập với một số nội dung cần thiết như: Bảo hiểm cho người lao động, Thất nghiệp và Xóa đói giảm nghèo.	2(2,0,4)	

Mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (Lý thuyết/ Thực hành/Tự học)	Ghi chú
0180035	Kinh tế du lịch	Học phần giới thiệu tổng quan về bản chất và các yếu tố cấu thành của ngành kinh tế du lịch du lịch. Học viên được trang bị những kiến thức cần thiết về đặc điểm của hoạt động du lịch, ý nghĩa kinh tế của ngành du lịch, các hoạt động kinh doanh du lịch, cung cầu du lịch, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, khách du lịch, dự báo xu hướng du lịch, đánh giá tác động kinh tế-xã hội-môi trường từ du lịch.	2(2,0,4)	
0180009	Kinh tế nông nghiệp	Tổng quan về các lý thuyết phát triển nông nghiệp và nông thôn chủ yếu và sự tiến triển của các lý thuyết này qua từng giai đoạn khác nhau và theo các quan điểm phát triển khác nhau. Đồng thời, phần này cũng sẽ giới thiệu bài học kinh nghiệm của các nước lân cận, có điều kiện hoàn cảnh gần giống Việt Nam về phát triển nông nghiệp, nông thôn. Các giải pháp phát triển nông thôn, với hình thức như là các biện pháp vận dụng từ các lý thuyết trên sẽ được báo cáo cho học viên.	2(2,0,4)	
2.2. Kiến thức chuyên ngành			28	
Học phần bắt buộc			18	
0180033	Kinh tế học quản lý	Kinh tế học quản lý là điều phối sử dụng nguồn lực khan hiếm để đạt được mục tiêu nhất định một cách hiệu quả nhất. Môn học này trang bị cho học viên những kiến thức căn bản về kinh tế học được sử dụng trong quản lý đơn vị một cách hiệu quả, có thể là một đơn vị sản xuất hoặc kinh doanh những hàng hóa và dịch vụ cụ thể.	2(2,0,4)	
0180034	Quản lý nhà nước về kinh tế	Hiểu được những kiến thức cơ bản và chuyên sâu liên quan đến hoạt động quản lý nhà nước về kinh tế, quy luật và các nguyên tắc quản lý, vận dụng được một cách có hiệu quả các kiến thức để đổi mới công tác cán bộ quản lý kinh tế đáp ứng được nhu cầu của xã hội hiện nay	2(2,0,4)	
0180037	Phân tích chính sách kinh tế	Học phần Phân tích chính sách kinh tế được thiết kế nhằm cung cấp cho học viên các kiến thức có hệ thống về quá trình phân tích, đánh giá chính sách kinh tế, cụ thể là: vị trí của phân tích và đánh giá chính sách, những nội dung của qui trình phân tích và đánh giá chính sách, các mô hình, công	2(2,0,4)	

Mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (Lý thuyết/ Thực hành/Tự học)	Ghi chú
		cụ, kỹ thuật phân tích chính sách; những nội dung của qui trình đánh giá chính sách, các mô hình, công cụ và kỹ thuật đánh giá chính sách; phân tích và đánh giá một số kinh tế.		
0180042	Quản lý chiến lược	Môn học là trang bị cho học viên hiểu biết và nắm rõ kiến thức về hoặc định và thực thi chiến lược quản lý của một tổ chức kinh doanh. Môn học này đào tạo người học có kỹ năng và kiến thức để hiểu về môi trường kinh doanh, thực lực nội bộ tổ chức kinh doanh, thiết lập viễn cảnh, sứ mệnh và mục tiêu phát triển, cũng như những loại hình chiến lược thường dùng trong các tổ chức kinh doanh trong nước và quốc tế.	2(2,0,4)	
0180020	Quản lý nhà nước về tài chính tiền tệ	Học phần trang bị cho học viên những kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực tài chính – tiền tệ như: Các cách tiếp cận khác nhau về tài chính, các xu hướng đổi mới tài chính – tiền tệ của thế giới và Việt nam; vai trò quản lý và can thiệp của Nhà nước bằng các công cụ tài chính vào các hoạt động tài chính - tiền tệ; Các thể chế tài chính; các nguồn tài trợ cho phát triển kinh tế; cấu trúc tài chính doanh nghiệp và khuynh hướng tài trợ tài doanh nghiệp; thị trường tài chính; Hệ thống tiền tệ và cung cầu tiền tệ, kiểm soát tiền tệ; khủng hoảng tài chính - tiền tệ; Tài chính quốc tế, tự do hóa tài chính, đồng tiền chuyển đổi tự do và các dòng vốn quốc tế.	2(2,0,4)	
0180048	Quản lý dự án	Học phần Quản lý dự án gồm những kiến thức cơ bản về lý thuyết quản lý chương trình, dự án đầu tư ở nước ta hiện nay để có thể vận dụng ổn định và sáng tạo các biện pháp quản lý khoa học đối với hoạt động đầu tư của ngành, của các đơn vị cơ sở.	2(2,0,4)	
0180026	Pháp luật về kinh tế	Pháp Luật Kinh tế là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về thương nhân và hành vi thương mại, Bản chất pháp lý của doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh, công ty cổ phần và công ty TNHH; đặc điểm và phân loại hợp đồng.	2(2,0,4)	
0270204	Tiếng Anh chuyên ngành Quản lý kinh tế	Học phần gồm có 8 bài học. Mỗi bài học đều bao gồm có văn bản đọc cung cấp thông tin về một chủ đề cụ thể, giới thiệu những khái niệm then chốt trong kinh tế và trong kinh doanh, và bao gồm cả nhiều dạng bài tập khác	4(4,0,8)	

Mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (Lý thuyết/ Thực hành/Tự học)	Ghi chú
		nhau về từ vựng, đọc hiểu và các hoạt động thảo luận mô phỏng những tình huống mang tính thực tế trong hoạt động của chuyên ngành		
Học phần tự chọn (chọn 10/16 tín chỉ)			8	
0180040	Quản lý tài nguyên và môi trường	Cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường và vận dụng được vào giải quyết các vấn đề về quản lý môi trường trong thực tế.	2(2,0,4)	
0180031	Lý thuyết phát triển bền vững	Nội dung học phần cung cấp hệ thống những tri thức cơ bản về phát triển bền vững, chương trình Nghị sự 21 về phát triển bền vững toàn cầu và định hướng chiến lược phát triển bền vững của Việt nam, của địa phương, của ngành.	2(2,0,4)	
0180038	Quản lý chất lượng	Môn học được thiết kế nhằm cung cấp những kiến thức nền tảng về quản lý chất lượng sản phẩm, bao gồm vai trò và các nguyên tắc cơ bản của hệ thống quản trị chất lượng trong tổ chức, yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng, các chỉ tiêu thống kê, đo lường chất lượng, và các phương pháp, hệ thống quản lý chất lượng phổ biến trên thế giới.	2(2,0,4)	
0180036	Quản lý Công nghệ	Học phần cung cấp các kiến thức về tầm quan trọng của công nghệ, đổi mới và quản trị, các hình thức của công nghệ, tiến trình quản lý công nghệ. Các hình thức của đổi mới, tiến trình quản lý phát triển công nghệ.	2(2,0,4)	
0180043	Quản lý sự thay đổi	Học phần được thiết kế cho học viên cao học chuyên ngành Quản lý Kinh tế. Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản về quản lý sự thay đổi, giúp tổ chức thích nghi và phát triển bền vững trong một thế giới luôn thay đổi. Cụ thể là: Các khái niệm; Nội dung và hình thức của sự thay đổi; Những yếu tố cản trở và thúc đẩy sự thay đổi; Quản lý sự thay đổi.	2(2,0,4)	
0180041	Quản lý tài chính công	Nội dung học phần tập trung vào nghiên cứu các nội dung cơ bản: Quản lý thu ngân sách nhà nước; Quản lý chi đầu tư phát triển của ngân sách nhà nước; Quản lý chi phí thường xuyên của NSNN; Quản lý tài chính ở các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; Tổ chức cân đối ngân sách nhà nước; Quản lý các quỹ tài chính công ngoài ngân sách nhà nước	2(2,0,4)	

Mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (Lý thuyết/ Thực hành/Tự học)	Ghi chú
0180002	Hệ thống thông tin quản lý	Nội dung của học phần bao gồm những khái niệm cơ bản về hệ thống thông tin quản lý, các yếu tố cấu thành, vai trò, vị trí và tầm quan trọng của hệ thống thông tin trong tổ chức; đánh giá hiệu quả kinh tế của hệ thống thông tin quản lý; phân tích, thiết kế, cài đặt một hệ thống thông tin; phát triển, kiểm soát hệ thống thông tin quản lý doanh nghiệp.	2(2,0,4)	
0180044	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	Học phần nghiên cứu lãnh đạo dưới góc độ phục vụ cho các nhà lãnh đạo, nhà quản lý cũng như nhà chuyên môn. Học phần này được thiết kế theo các chuyên đề, trong đó cung cấp những kiến thức nâng cao và sâu hơn về lãnh đạo, đặc biệt chú ý đến kỹ năng lãnh đạo ở các cấp độ lãnh đạo cá nhân, lãnh đạo nhóm, lãnh đạo tổ chức, lãnh đạo xã hội.	2(2,0,4)	
2.3. Thực tập tốt nghiệp			6	
0180056	Thực tập tốt nghiệp (QLKT)	Học phần Thực tập tốt nghiệp giúp người học củng cố các kiến thức đã học trong chương trình đào tạo. Học viên sẽ dành thời gian từ 3 – 4 tháng để thực tập các cơ quan, ban ngành, các tổ chức kinh tế	6(0,12,0)	
2.4. Đề án tốt nghiệp			6	
0180057	Đề án tốt nghiệp (QLKT)	Với học phần Đề án tốt nghiệp, học viên sẽ trình bày một đề án với mục tiêu đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm giải quyết một hay nhiều vấn đề trọng thực tiễn hoạt động quản lý kinh tế trên cơ sở các lý thuyết khoa học, kết hợp với thực tiễn bối cảnh, nguồn lực và kinh nghiệm triển khai trước đây.	6(0,12,0)	
Tổng			65	

8. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Bảng 6: Kế hoạch đào tạo dự kiến

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số Tín chỉ
		Học kỳ 1	19
		Học phần Bắt buộc	13
1	0180029	Khoa học quản lý	2(2,0,4)
2	0180039	Kinh tế phát triển	2(2,0,4)
3	0180027	Kinh tế vi mô nâng cao	2(2,0,4)
4	0180028	Kinh tế vĩ mô nâng cao	2(2,0,4)
5	0180054	Phương pháp học tập bậc cao học	1(1,0,2)
6	0180055	Triết học	4(4,0,8)
		Học phần tự chọn	6
1	0180035	Kinh tế du lịch	2(2,0,4)
2	0180008	Kinh tế nguồn nhân lực	2(2,0,4)
3	0180009	Kinh tế nông nghiệp	2(2,0,4)
4	0180011	Kinh tế Quốc tế	2(2,0,4)
5	0180030	Kinh tế thương mại	2(2,0,4)
		Học kỳ 2	18
		Học phần Bắt buộc	12
1	0270246	Tiếng anh chuyên ngành Quản lý kinh tế (*)	3(3,0,6)
2	0180004	Kinh tế công nghiệp	2(2,0,4)
3	0180033	Kinh tế học quản lý	2(2,0,4)
4	0180037	Phân tích chính sách kinh tế	2(2,0,4)
5	0180032	Phân tích định lượng trong kinh tế	2(2,0,4)
6	0180034	Quản lý nhà nước về kinh tế	2(2,0,4)
7	0180020	Quản lý nhà nước về tài chính tiền tệ	2(2,0,4)
		Học phần tự chọn	6
1	0180002	Hệ thống thông tin quản lý	2(2,0,4)
2	0180031	Lý thuyết phát triển bền vững	2(2,0,4)
3	0180043	Quản lý sự thay đổi	2(2,0,4)
4	0180044	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	2(0,0,4)

		Học kỳ 3	16
		Học phần Bắt buộc	12
1	0180026	Pháp luật về kinh tế	2(2,0,4)
2	0180045	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế	2(2,0,4)
3	0180042	Quản lý chiến lược	2(2,0,4)
4	0180048	Quản lý dự án	2(2,0,4)
5	0270204	Tiếng Anh chuyên ngành Quản lý kinh tế	4(4,0,8)
		Học phần tự chọn	4
1	0180038	Quản lý chất lượng	2(2,0,4)
2	0180036	Quản lý Công nghệ	2(2,0,4)
3	0180041	Quản lý tài chính công	2(2,0,4)
4	0180040	Quản lý tài nguyên và môi trường	2(2,0,4)
		Học kỳ 4	12
		Học phần Bắt buộc	12
1	0070082	Tiếng Anh chuẩn đầu ra (CH) (*)	2(2,0,4)
2	00700083	Tiếng Anh chuẩn đầu ra (CH-TL) (*)	3(3,0,6)
3	0180057	Đề án tốt nghiệp (QLKT)	6(0,6,12)
4	0180056	Thực tập tốt nghiệp (QLKT)	6(0,6,12)
5	0180058	Học phần tốt nghiệp (QLKT) (*)	2(0,2,4)

Tổng số tín chỉ: 65. Các học phần (*) không tính trung bình chung tích lũy vào kết quả học tập

9. DANH SÁCH ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Bảng 7: Danh sách đội ngũ giảng viên tham gia chương trình đào tạo

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Môn giảng dạy	Ghi chú
[1]	Đặc Văn Thạc	PGS, TS Quản lý doanh nghiệp	Quản lý chiến lược	
[2]	Đỗ Thị Ngọc Diệp	TS Kinh tế	Kinh tế thương mại	
[3]	Đoàn Mạnh Quỳnh	TS Quản trị kinh doanh	Pháp luật về kinh tế	
[4]	Lê Thanh Hương	TS Kinh tế	Kinh tế quốc tế	
[5]	Lê Việt Tuấn	PGS, TS Kinh tế	Quản lý nhà nước về tài chính tiền tệ	
[6]	Nguyễn Bảo Anh	TS Kinh tế	Kinh tế vĩ mô nâng cao Kinh tế công nghiệp	
[7]	Nguyễn Gia Phúc	TS Quản trị kinh doanh	Phân tích định lượng trong kinh tế	
[8]	Nguyễn Thiên Sứ	TS Quản trị kinh doanh	Tâm lý và Nghệ thuật lãnh đạo	
[9]	Nguyễn Trọng Khánh	TS Kinh tế	Quản lý tài chính công	
[10]	Phan Ngọc Sơn	TS Quản trị kinh doanh TS Quản lý giáo dục	Phương pháp học tập bậc cao học	
[11]	Trần Đức Thuận	TS Kinh tế nông nghiệp	Kinh tế nông nghiệp	
[12]	Ngô Thị Trà My	TS Quản trị du lịch	Kinh tế du lịch	
[13]	Võ Thanh Tân	PGS, TS Khoa học du lịch	Lý thuyết phát triển bền vững	

[14]	Lê Thị Quỳnh Nga	TS Kinh tế lao động	Phân tích chính sách kinh tế	
[15]	Vũ Thịnh Trường	TS Quản trị kinh doanh	Thực tập tốt nghiệp (QLKT)	
[16]	Nguyễn Phước Thiện	TS Quản trị kinh doanh	Quản lý sự thay đổi	
[17]	Bùi Trung Hưng	PGS, TS Triết học	Triết học	
[18]	Bùi Hồng Đăng	TS Quản trị nhân lực	Kinh tế nguồn nhân lực	Chủ tịch HĐ trường, ĐH Công nghiệp thực phẩm
[19]	Nguyễn Quyết Thắng	PGS, TS Kinh tế	Kinh tế phát triển	Trưởng khoa, ĐH Công nghệ Tp. HCM
[20]	Nguyễn Duy Thục	PGS, TS Kinh tế	Kinh tế vi mô nâng cao	Trưởng ĐH Văn Lang
[21]	Hồ Viết Chiến	TS. Quản lý kinh tế	Khoa học quản lý	Trưởng CĐSP Bà Rịa – Vũng Tàu
[22]	Hoàng Văn Long	TS. Kinh tế học	Quản lý dự án	Trưởng ĐH Luật Tp.
[23]	Trần Độc Lập	TS. Kinh tế nông nghiệp	Kinh tế học quản	Trưởng ĐH Nông Lâm Tp. HCM
[24]	Phan Thế Công	PGS, TS Kinh tế	Quản lý nhà nước về kinh tế	Trưởng bộ môn, Trường ĐH Thương Mại
[25]	Phạm Đình Sắc	TS. Quản lý giáo dục ThS. Công nghệ thông tin	Hệ thống thông tin quản lý	
[26]	Lại Thế Thông	TS. Quản trị kinh doanh	Quản lý công nghệ	Giám đốc Sở KHCN Đồng Nai
[27]	Lê Quốc Thành	TS. Tài chính – Ngân hàng	Quản lý chất lượng	Trưởng ĐH Tài chính – Marketing
[28]	Nguyễn Minh Thiện	TS Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	Tiếng Anh chuyên ngành Quản lý kinh tế	

10. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO NGÀNH

Trường có cơ sở vật chất hiện đại, trang bị đầy đủ thiết bị dạy học dùng cho việc giảng dạy với diện tích đất theo quy hoạch được giao là 4,011 ha đất tại địa chỉ Đường Nguyễn Khuyến, khu phố 5, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để xây dựng Trường. Diện tích xây dựng của trường hiện tại là 34.024 m², gồm các công trình là các khu giảng đường (phòng học); khu thí nghiệm, thực hành; Trung tâm Thông tin – Thư viện; khu Ký túc xá; Khu Thể thao; Khu hiệu bộ hành chính và các công trình phụ trợ khác như khu căn tin, bãi giữ xe, ... Với các trang thiết bị được đầu tư, lắp đặt phục vụ tốt cho công tác đào tạo, giảng dạy và học tập của học viên.

10.1 Phòng học, giảng đường

Nhà trường có 110 phòng học lý thuyết, 4 giảng đường với diện tích 11.623 m² phục vụ cho tất cả ngành, chuyên ngành đào tạo trong nhà trường. Danh mục giảng đường, hội trường, phòng học được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 8: Danh mục giảng đường, hội trường, phòng học

Giảng đường, hội trường, phòng học		m ²	11.623
I.	Hội trường, phòng họp nhóm	m ²	2.192
1.	Khu A (số phòng)	4	582
2.	Khu C (số phòng)	1	260
3.	Khu G (số phòng)	4	1.350
II.	Phòng hội thảo	m ²	310
III.	Phòng học lý thuyết	m ²	9.431
4.	Khu A (số phòng)	29	2.391

5.	Khu B (số phòng)	25	1.845
6.	Khu F (số phòng)	28	2.875
7.	Khu G (số phòng)	28	2.320

10.2 Khu vực nghiên cứu

Dự kiến tháng 01/2020, Nhà trường sẽ bố trí một 02 phòng làm việc và nghiên cứu cho các nghiên cứu sinh tại lầu 2, Trung tâm Thông tin – Thư viện. Diện tích mỗi phòng đảm bảo 25m². Mỗi nghiên cứu sinh sẽ được cấp 01 bàn làm việc, 01 máy tính để bàn và 01 máy in dùng chung. Việc bố trí như vậy tạo điều kiện cho các Nghiên cứu sinh có không gian yên tĩnh để tập trung nghiên cứu và dễ dàng tra cứu các tài liệu có trong thư viện.

10.3. Thiết bị, phần mềm phục vụ đào tạo

Để tạo điều kiện tốt nhất cho sinh viên cũng như các học viên học tập và nghiên cứu, Nhà trường đầu tư và đưa vào sử dụng hàng loạt trang thiết bị hiện đại.

Bảng 9: Danh mục thiết bị phục vụ đào tạo

TT	Tên gọi của máy, thiết bị, kí hiệu, mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Tên học phần sử dụng thiết bị	Ghi chú
1.	Hệ thống âm thanh	Trung Quốc, 2010	50	Tất cả các học phần	
2.	Máy chiếu	Trung Quốc, Nhật, 2012	60	Tất cả các học phần	

3.	Ti vi	Trung Quốc, Nhật, 2013	20	Tất cả các học phần	
4.	Máy tính	Trung Quốc, Nhật, 2012	700	Tất cả các học phần	
5.	Phòng Lab (cabin) học ngoại ngữ	Việt Nam, 2012	10	Tất cả các học phần	
6.	Phòng máy tính	Việt Nam, 2013	15	Tất cả các học phần	

Bảng 10: Danh mục phần mềm phục vụ đào tạo

TT	Phần mềm	Nguồn gốc	Số lượng	Tên học phần sử dụng	Ghi chú
1.	Hệ thống quản lý học tập trực tuyến Canvas	Hoa Kỳ	1,500 users	Tất cả các học phần	
2.	Phần mềm Microsoft Teams	Hoa Kỳ	Không giới hạn	Tất cả các học phần	
3.	Hệ thống thi trắc nghiệm (Exam.dntu.edu.vn)	DNTU	Không giới hạn	Tất cả các học phần	
4.	Hệ thống kiểm tra, đánh giá năng lực ngoại ngữ - Itest	ĐHQG Hà Nội		1. Tiếng anh chuyên ngành Quản lý kinh tế	

				2. Tiếng anh chuẩn đầu ra	
5.	Hệ thống quản lý, tra cứu tài liệu điện tử (lib.dntu.edu.vn)	DNTU	Không giới hạn	Tất cả các học phần	

10.4 Thư viện giáo trình, sách nghiên cứu, tài liệu tham khảo

Tổng diện tích thư viện: 3.335 m², trong đó diện tích phòng đọc: 2.260 m²; Số chỗ ngồi: 1.200; Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 100; Phần mềm Libol quản lý thư viện. Thư viện điện tử 400 m² có hơn 5.292 đầu sách gồm 65.802 quyền. Thư viện điện tử được kết nối với hệ thống internet trong website của trường có gần 80.000 tài liệu được kết nối với thư viện trong và ngoài nước, Thư viện truyền thống có 15.492 đầu sách gồm 83.571 sách tham khảo bao gồm sách tiếng Việt và sách tiếng Anh các ngành đủ đáp ứng nhu cầu đào tạo từ trung cấp, cao đẳng, đại học đến sau đại học.

Để hỗ trợ việc học tập, nghiên cứu của học viên sau đại học, nhà trường sẽ tiếp tục mua các gói tra cứu trực tuyến các ấn phẩm chuyên ngành về Kinh tế và Quản lý của nhà xuất bản Springer, Elsevier và các tạp chí hàng đầu của Việt Nam.

11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Khi thực hiện chương trình đào tạo cần chú ý đến một số vấn đề như sau:

11.1 Đối với các đơn vị đào tạo

- Phải nghiên cứu chương trình khung để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình.
- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp chương trình chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy.
- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.
- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn.

11.2 Đối với giảng viên

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện dạy học phù hợp.
- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho học viên trước một tuần trước khi bắt đầu lớp học phần.
- Tổ chức cho các buổi Seminar, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn học viên làm tiểu luận, đồ án, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp.

11.3 Đối với học viên cao học

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiền độ.
- Tham gia lên lớp tối thiểu 80% thời gian lên lớp của học phần.
- Phải nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng.
- Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên.
- Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi Seminar.

- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm đồ án tốt nghiệp.

- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

11.4 Phương pháp giảng dạy và học tập để đạt chuẩn đầu ra

Phương pháp giảng dạy và học tập của Khoa Kinh tế - Quản trị là tiếp cận giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra, ở cấp độ chương trình đào tạo, từ chuẩn đầu ra mong đợi của chương trình đào tạo, thiết kế chuẩn đầu ra sinh viên, thiết kế chuẩn đầu ra môn học. Dựa trên chuẩn đầu ra này xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến hành tổ chức giảng dạy, đề cương môn học, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và các công cụ đánh giá. Sau khi kết thúc môn học, tiến hành đánh giá môn học và tiến đến đánh giá chương trình để cập nhật chuẩn đầu ra và cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo.

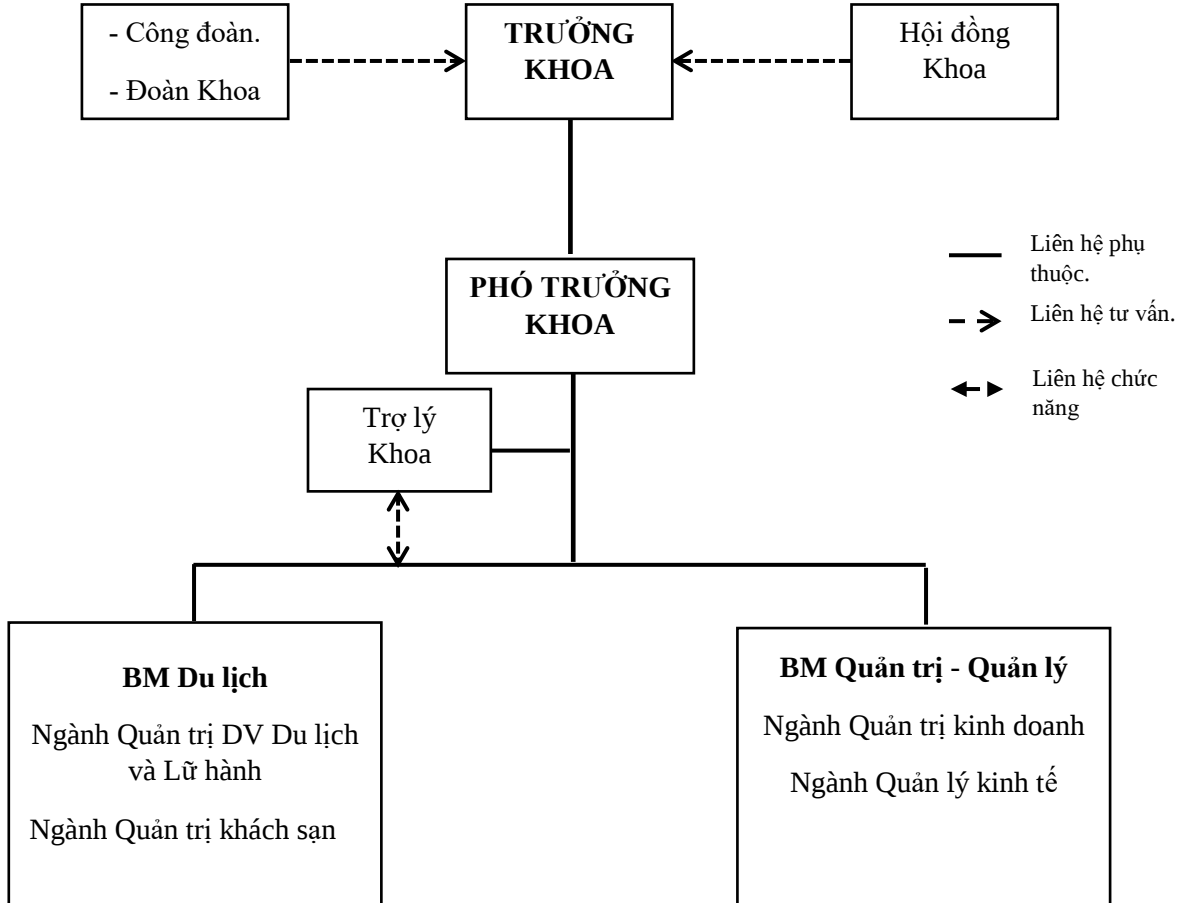
Bảng 11: Chiến lược và phương pháp giảng dạy

Chiến lược giảng dạy	Mô tả	Phương pháp giảng dạy
Giảng dạy trực tiếp	Đa số các môn học lý thuyết được dạy theo phương pháp thuyết trình thuyết giảng, vấn đáp, đặt câu hỏi gợi ý, giao bài tập về nhà cho sinh viên và kiểm tra khả năng tự học của sinh viên thông qua bài tập, thảo luận, seminar.	• Thuyết giảng • Bài học • Câu hỏi gợi ý, chuẩn đoán • Trình diễn mẫu • Luyện tập & thực hành
Giảng dạy gián tiếp	Một số học phần giảng dạy gián tiếp không có sự can thiệp rõ ràng nào của giảng viên, các môn học được chọn lựa trong CTĐT của chuyên ngành có thể được tiến hành theo phương pháp dạy dựa trên dự án hoặc giảng dạy dựa trên vấn đề, người học được tạo điều kiện môi trường tốt nhất cho hoạt động học tập các học phần này. Các	• Yêu cầu • Giải quyết vấn đề • Nghiên cứu tình huống • Xây dựng ý tưởng

	môn thực tập doanh nghiệp, tham quan, đồ án môn học, khóa luận tốt nghiệp.	
Học tập trải nghiệm	Các môn học trong chương trình đào tạo được thiết kế học tập trải nghiệm như các môn khoa học cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành sinh viên được trang bị học tập thực hành và thí nghiệm trong phòng thí nghiệm. Các môn thực tập doanh nghiệp, kiến tập chuyên môn, đồ án môn học, khóa luận tốt nghiệp.	• Mô phỏng • Hình ảnh tập trung • Đóng vai • Mô hình • Trò chơi • Thực tế • Thí nghiệm
Giảng dạy tương tác	Được thực hiện hầu hết trong các môn học của chương trình đào tạo. Sinh viên làm bài tập nhóm, thuyết trình nhóm, làm thực nghiệm nhóm, thực tập doanh nghiệp, tham quan thực tế và khóa luận tốt nghiệp.	• Tranh luận • Thảo luận • Giải quyết vấn đề • Học tập nhóm • Tương tác
Học tập độc lập	Hoạt động thực nghiệm, thiết kế trong môn học khóa luận tốt nghiệp, trình bày khóa luận, các đồ án thiết kế, làm bài tập ở nhà, viết báo cáo thí nghiệm, trình bày thí nghiệm và học tập tự do.	• Phân công công việc cá nhân • Dự án nghiên cứu, khóa luận tốt nghiệp

12. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA KHOA

Cơ cấu tổ chức của Khoa Kinh tế - Quản trị bao gồm: Trưởng khoa, Phó trưởng khoa, thư ký khoa, các tổ trưởng bộ môn và các giảng viên trực thuộc các bộ môn, ngoài ra còn có Hội đồng khoa, Công đoàn và Đoàn khoa được thể hiện theo sơ đồ tổ chức dưới đây:



13. CHỨC NĂNG - NHIỆM VỤ CỦA KHOA

13.1 Bộ môn chuyên ngành bao gồm:

- a) Bộ môn Quản trị - Quản lý
- b) Bộ môn Du lịch

13.2 Chức năng - nhiệm vụ:

a) Quản lý và tổ chức giảng dạy 3 chuyên ngành đại học: Quản trị kinh doanh; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn và 01 ngành Thạc sĩ Quản lý kinh tế.

b) Chủ trì phối hợp cùng các đơn vị xây dựng nội dung chương trình các ngành học trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường và trình Hiệu trưởng phê duyệt; tổ chức thực hiện và quản lý quá trình đào tạo và các hoạt động giáo dục khác theo sự phân cấp của Hiệu trưởng trong chương trình, kế hoạch chung của Trường;

c) Hợp tác đào tạo bậc đại học và sau đại học với các trường trong và ngoài nước;

d) Phối hợp cùng Phòng Đào tạo –Khảo thí làm thời khóa biểu, quản lý điểm các bộ môn do khoa trực tiếp đào tạo;

e) Tổ chức cho học sinh, sinh viên thực tập tại các cơ sở sản xuất kinh doanh trong và ngoài Trường;

f) Quản lý, tư vấn, tổ chức thực hiện, các chương trình phát triển công nghệ thông tin của Nhà trường;

g) Chủ động khai thác các dự án hợp tác đào tạo; phối hợp với các tổ chức khoa học-công nghệ, cơ sở sản xuất, kinh doanh, gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học, sản xuất kinh doanh và nhu cầu xã hội;

h) Triển khai nghiên cứu đề tài khoa học các cấp được giao và các đề tài với các cơ quan, đơn vị bên ngoài. Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học;

i) Chủ động phối hợp, tham gia cùng các đơn vị tổ chức các kỳ thi, kiểm tra, đánh giá các môn do khoa phụ trách, của các đơn vị khác và của Trường khi có đề nghị;

j) Nhận các hợp đồng tư vấn, gia công, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; k) Phối hợp với các đơn vị chức năng thực hiện các công tác phát sinh trong quá trình hoạt động của Trường;

l) Thực hiện các nhiệm vụ công tác khác do Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng phân công./

TRƯỞNG KHOA

Đồng Nai, ngày 20 tháng 7 năm 2021

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Vũ Thịnh Trường

TS. Trần Đức Thuận